TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST
Ngày 15/4/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Đức Dũng;
+ Bà Phạm Ngọc Nhung.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Dương Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 456/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Chu Thị Hồng N, sinh năm: 1987; Địa chỉ: tổ 2, ấp 5, xã L, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn C, sinh năm: 1983; Địa chỉ: tổ 2, ấp 5, xã L, huyện C, tỉnh Đ

(chị N và anh C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn là chị Chu Thị Hồng N trình bày: trên cơ sở tự nguyện, chị và anh Phạm Văn C đã kết hôn năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND xã L theo quy định. Trải qua một thời gian chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong nhiều vấn đề. Anh C không quan tâm gia đình, vợ con, thường xuyên đi sớm về muộn, cờ bạc, rượu chè và còn có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác. Mặc dù đã được gia đình khuyên ngăn nhưng anh C không nhận ra lỗi sai của mình mà còn kiếm chuyện đánh đập chị. Vì không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng đã ly thân và chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Vợ chồng có 3 con chung là các cháu Phạm Thị Thanh T1, sinh ngày: 17/12/2008, Phạm Hoàng Gia L, sinh ngày: 20/01/2011, Phạm Anh T2, sinh ngày: 03/11/2017. Khi ly hôn chị N yêu cầu giao cháu T1 và cháu L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có.

* Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2021, đơn xin vắng mặt, bị đơn là anh Phạm Văn C trình bày: anh và chị Chu Thị Hồng N đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, đây là hôn nhân đầu tiên của hai người. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, đến tháng 3/2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh phát hiện chị N có nhắn tin tình cảm với người khác, vì tức giận nên anh có tát chị N nên chị N bỏ đi từ tháng 3/2020 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn nhưng vì anh theo đạo thiên chúa nên sẽ không đến Tòa án để hoàn tất các thủ tục theo quy định. Vợ chồng có 3 con chung như chị N xác định. Khi ly hôn anh đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu L, giao cháu T2 cho chị N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thụ lý, thu thập tài liệu, chứng cứ; xác định tư cách tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật đúng trình tự thủ tục theo quy định. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: xét thấy ý kiến của nguyên đơn và bị đơn nhận thấy, cả 2 thống nhất việc vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và hiện đã ly thân nên cả 2 đồng ý ly hôn. Vì vậy, đề nghị HĐXX ghi nhận ý kiến của đương sự, chấp nhận yêu cầu của chị N ly hôn với anh C. Về con chung: cả 2 đương sự thống nhất việc giao con nên đề nghị HĐXX ghi nhận: giao anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và cháu L; giao chị Ngân trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Không ai yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết; tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Chu Thị Hồng N có đơn khởi kiện anh Phạm Văn C yêu cầu ly hôn và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", trong đó chị N là nguyên đơn, anh C là bị đơn. Anh C có nơi cư trú tại xã L, huyện C. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Phạm Văn C và chị Chu Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt; nên căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh C và chị N là phù hợp.

[3] Về việc áp dụng pháp luật: chị N và anh C đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã L, huyện C từ năm 2008 và hiện nay chị N yêu cầu được xin ly hôn. Vì vậy, pháp luật áp dụng xem xét về tính hợp pháp đối với quan hệ hôn nhân giữa 2 anh chị là Luật HN&GĐ 2000 và pháp luật áp dụng để giải quyết tranh chấp về điều kiện cho 2 anh chị ly hôn và điều kiện trực tiếp nuôi con là Luật HN&GĐ năm 2014 là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Chu Thị Hồng N và anh Phạm Văn C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 04/9/2008, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N nhận thấy: dù chị N, anh C không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng nhưng hai người đều thừa nhận vì mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế nên chị N yêu cầu ly hôn. Anh C cũng đồng ý ly hôn nhưng vì bản thân theo đạo thiên chúa nên không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã đến mức trầm trọng nên hai người không thể tiếp tục chung sống. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn anh C là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về con chung và cấp dưỡng: hai đương sự thống nhất có 3 con chung là các cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày: 17/12/2008, Phạm Hoàng Gia L, sinh ngày: 20/01/2011, Phạm Anh T1, sinh ngày: 03/11/2017. Chị Ngân, anh Cương thống nhất giao hai cháu T và cháu L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng. Yêu cầu giải quyết của đương sự phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu L nên HĐXX quyết định giao cháu T và L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị N, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: chị Chu Thị Hồng N phải nộp án phí theo quy định.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên: Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266 của BLTTDS; Điều 9, Điều 11 Luật HN&GĐ 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 131 của Luật HN&GĐ năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Chu Thị Hồng N được ly hôn anh Phạm Văn C.

2. Về con chung, cấp dưỡng:

+ Giao các cháu Phạm Thị Thanh T, sinh ngày: 17/12/2008 và Phạm Hoàng Gia L, sinh ngày: 20/01/2011 cho anh Phạm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng;

+ Giao cháu Phạm Anh T1, sinh ngày: 03/11/2017 cho chị Chu Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị N và anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung đủ 18 tuổi. Khi cần thiết chị N, anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí: chị Chu Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002219 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; chị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Lâm San (93/2008);
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Tường Vy